

Thứ tư, ngày 27 tháng 11 năm 2019

Vietnam Daily Review

Đà tăng duy trì

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 28/11/2019		•	
Tuần 25/11-29/11/2019		•	
Tháng 11/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index ghi nhận diễn biến khá tương đồng với phiên giao dịch hôm trước khi tăng điểm mạnh mẽ trong phiên sáng và lùi dần về sát mốc tham chiếu trong phiên chiều. VCB, BID, VIC là ba cổ phiếu chính nâng đỡ đà tăng của thị trường. Chỉ số có phiên giao dịch rung lắc trong khi phần lớn các TTCK khác trong khu vực tiếp tục tăng điểm. Như đã đề cập trong báo cáo ngày hôm qua, thị trường có phản ứng khá tích cực với Luật chứng khoán sửa đổi được thông qua. Do vậy, nếu duy trì được đà tăng khả quan, nhiều khả năng VN-Index sẽ quay lại ngưỡng 980 điểm trong các phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 27/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm. NVL vận động tích lũy ngắn hạn sau khi giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 57. Thanh khoản tăng đồng thuận với các nhịp giảm gần đây. Điều chỉnh giảm tiếp diễn của NVL, dựa theo tín hiệu giảm của các chỉ báo động lượng, có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.2%. 6/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **BDS & Khu công nghiệp** - gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BDS - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**, con số này của VNINDEX là 0.1%.

Phân tích kỹ thuật: L14_Bứt phá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: DHG, FPT, VTP, VNM, SAB.

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.38 điểm**, đóng cửa 978.17. HNX-Index **-0.76 điểm**, đóng cửa 103.23.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.77); BID (+0.96); VIC (+0.39); HVN (+0.17); SAB (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.45); VHM (-0.29); HDB (-0.22); PLX (-0.21); MSN (-0.17)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,817 tỷ đồng**, **-15.3%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.59 điểm. Thị trường có 139 mã tăng, 75 mã tham chiếu và 172 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **72.84 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (36.01 tỷ), BID (18.34 tỷ) và VRE (17.98 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **2.72 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

978.17

Giá trị: 2817.68 tỷ

1.38 (0.14%)

Khối ngoại (ròng): 72.84 tỷ

HNX-INDEX

103.23

Giá trị: 186.58 tỷ

-0.76 (-0.73%)

Khối ngoại (ròng): -2.72 tỷ

UPCOM-INDEX

56.02

Giá trị: 198.4 tỷ

0.05 (0.09%)

Khối ngoại (ròng): -15.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	58.4	-0.02%
Giá vàng	1,459	-0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,199	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,519	-0.97%
Tỷ giá JPY/VND	21,253	-0.07%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	3.83%
LS TPCP 5 năm	2.4%	-4.08%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	36.0	STB	12.4
BID	18.3	VPI	11.2
VRE	18.0	SSI	9.9
VCB	17.3	PVD	9.6
HDG	15.7	DXG	5.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **6/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**. Đặc biệt, danh mục **BDS & Khu công nghiệp** - gồm các cổ phiếu có triển vọng khả quan nhất trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh BĐS - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.2%**, con số này của VNINDEX là 0.1%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:
- **10/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
BDS & Khu công nghiệp	0.2%	-2.1%	-0.7%	-1.3%	5.4%	8.2%	57.8%
Ngân hàng	0.1%	-2.2%	-1.5%	6.4%	17.8%	13.4%	88.4%
Lãi suất giảm	0.1%	-0.9%	-4.2%	-2.4%	-1.9%	-1.1%	50.2%
Chiến tranh thương mại	0.1%	-1.3%	-2.6%	-5.1%	-0.7%	2.8%	17.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	0.1%	1.4%	-0.8%	0.1%	18.1%	50.9%
Nước & Năng lượng	0.0%	-2.0%	-1.2%	-0.5%	-1.1%	11.4%	51.4%
FTSE Việt Nam	-0.1%	-1.7%	-1.7%	0.5%	3.6%	11.1%	85.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.1%	-2.1%	-2.0%	-0.9%	0.4%	6.7%	78.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.2%	-2.8%	-2.4%	4.2%	8.7%	2.6%	43.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	-2.4%	-4.9%	0.2%	13.2%	10.6%	74.0%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.3%	-1.6%	-2.7%	4.1%	20.7%	28.2%	126.8%
Dầu khí	-0.3%	-3.0%	-0.6%	-2.3%	-2.1%	3.3%	20.3%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.3%	-1.8%	-3.1%	0.8%	10.7%	14.4%	88.1%
Xây dựng	-0.4%	-4.2%	-8.0%	-7.8%	-9.9%	-11.0%	19.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.4%	-1.9%	-0.6%	-0.4%	-6.5%	-11.0%	49.3%
Hàng tiêu dùng	-0.4%	-3.4%	-6.6%	-3.1%	3.9%	4.8%	58.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.4%	-2.1%	-3.1%	2.8%	5.3%	6.3%	6.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.6%	-2.9%	-5.4%	-1.6%	5.0%	4.4%	67.5%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.6%	-3.5%	-5.6%	-0.9%	-3.2%	-6.2%	-7.1%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 18	0.3%	-2.0%	-0.5%	-0.2%	0.6%	3.1%	121.6%
Danh mục 10	0.3%	-2.1%	-4.9%	-4.2%	2.8%	4.5%	48.3%
Danh mục 12	0.3%	-1.8%	-2.2%	2.8%	11.4%	19.0%	88.0%
Danh mục 15	-0.5%	-2.1%	-4.8%	-2.1%	7.8%	4.4%	62.2%
Danh mục 17	-0.8%	-3.1%	-4.5%	-4.4%	6.7%	27.8%	151.1%
* Note	10/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 22	0.4%	-1.8%	-4.7%	-0.1%	12.1%	19.5%	64.7%
Danh mục 23	0.3%	-3.0%	-3.0%	-1.6%	5.6%	30.0%	116.7%
Danh mục 24	0.2%	-2.9%	-5.1%	-1.3%	12.1%	30.4%	97.3%
Danh mục 20	-0.4%	-1.2%	-2.0%	1.0%	13.4%	17.0%	57.6%
Danh mục 21	-0.4%	-2.1%	-3.8%	2.7%	12.6%	15.3%	66.2%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX						

INDEX							
VNINDEX	0.1%	-2.2%	-1.8%	0.0%	3.3%	5.8%	45.0%
VN30INDEX	-0.3%	-2.4%	-3.1%	0.7%	3.6%	-0.4%	40.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

11/27/2019

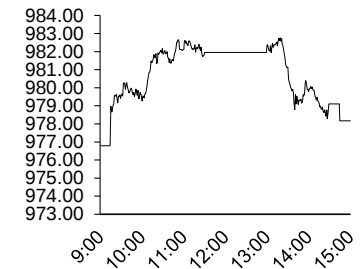
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

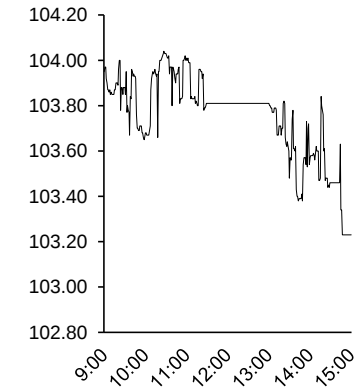
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	0.7%
Y tế	0.6%
Du lịch và Giải trí	0.5%
Hóa chất	0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.1%
Bất động sản	0.1%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Công nghệ Thông tin	-0.1%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.1%
Bán lẻ	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Dịch vụ tài chính	-0.3%
Bảo hiểm	-0.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.4%
Xây dựng và Vật liệu	-0.4%
Truyền thông	-0.5%
Ô tô và phụ tùng	-0.8%
Dầu khí	-0.9%
Viễn thông	-1.0%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

L14_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 cắt lên trên EMA26.

Nhận định: L14 suốt hơn 2 tháng qua vận động tích lũy trong khu vực 52-64 nhưng hôm nay đã xuất hiện sự bứt phá mạnh mẽ. Thanh khoản tăng cao từ đầu phiên đã đẩy cổ phiếu tăng dần và chốt phiên đóng cửa tại mức giá trần, tương ứng với mức tăng gần 10%. Chỉ báo động lượng RSI vì thế cũng đã tăng đột ngột và tiến vào vùng quá mua. Các chỉ báo xu hướng đều đồng thuận với trạng thái tích cực của cổ phiếu. Phiên tăng đột ngột này có thể dẫn đến sự điều chỉnh ngắn hạn trong vài ngày sau. Tuy vậy, nếu tiếp tục duy trì được động lực tăng giá như hiện tại, L14 có thể tiến tới tiếp cận lại vùng giá lịch sử 80 trong thời gian tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 27/11/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 27/11	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	58.40	0.66%	5.74%	2.81%	13.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	64.09	0.80%	5.39%	3.20%	6.45%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.70	1.01%	6.24%	1.42%	19.41%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1461.57	0.49%	-0.84%	-2.07%	20.36%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.08	1.17%	-0.48%	-4.33%	20.81%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	885.79	-0.95%	-2.88%	-3.80%	1.17%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	530.81	-0.20%	3.61%	3.73%	6.59%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.34	-0.10%	0.10%	8.94%	40.37%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	168.60	-1.98%	4.01%	12.33%	22.44%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.74	-0.62%	0.71%	1.91%	3.57%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.28	0.00%	-2.38%	3.47%	13.10%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	115.70	-1.78%	12.66%	15.12%	5.66%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.68	1.44%	1.02%	0.28%	-1.13%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3891.00	-0.23%	5.45%	11.59%	6.60%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1736.00	-0.17%	-0.12%	-0.06%	-10.08%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	87.50	3.55%	5.42%	1.16%	37.80%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	72.22	0.52%	-0.56%	2.34%	-26.90%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 62 US cent lên 64.27 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 40 US cent lên 58.41 USD/thùng.
- Giá dầu tăng sau thông tin các quan chức Mỹ và Trung Quốc thảo luận về các vấn đề thương mại, cùng với dự kiến dự trữ dầu thô hàng tuần của Mỹ giảm cũng hỗ trợ giá dầu.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,461.51 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York tăng 0.2% lên 1,460.3 USD/ounce.
- Giá vàng tăng trở lại từ mức thấp nhất 2 tuần trong phiên trước đó, sau số liệu cho thấy rằng niềm tin của người tiêu dùng Mỹ trong tháng 11/2019 giảm, trong khi các nhà đầu tư chờ đợi thêm thông tin về thỏa thuận thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.4% xuống 655 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 2.2% xuống 3,603 CNY (511.87 USD)/tấn. Giá thép cuộn cán nóng giảm 0.8% xuống 3,533 CNY/tấn. Giá thép tại Trung Quốc giảm 2.2%, chấm dứt chuỗi tăng 2 phiên liên tiếp do giảm bớt lo ngại nguồn cung thất chặt, trong bối cảnh điều kiện môi trường thuận lợi.

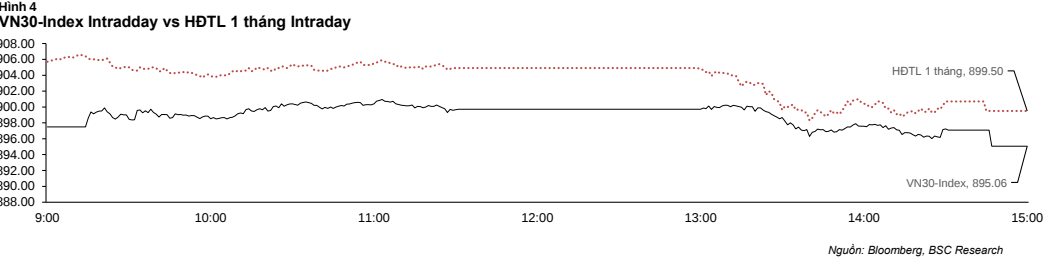
Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 4/2020 giảm 2.6 JPY (0.0239 USD) xuống 188.2 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 220 CNY (31.25 USD) xuống 12,585 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo rời khỏi chuỗi tăng 7 phiên liên tiếp, theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải suy giảm.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica trên sàn ICE giao tháng 3/2020 giảm 2.7 US cent tương đương 2.2% xuống 1.162 USD/lb. Giá cà phê Robusta trên sàn London giao tháng 1/2020 giảm 3 USD tương đương 2.5% xuống 1,400 USD/tấn.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.07 US cent tương đương 0.6% xuống 12.75 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn London không thay đổi ở mức 342.4 USD/tấn.
- Giá cà phê giảm sau khi đạt mức cao nhất 1 năm trong phiên trước đó, do đồng real Brazil suy yếu khiến các nhà sản xuất đẩy mạnh bán ra.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	899.50	-0.66%	4.44	-30.5%	74963	12/19/2019	24
VN30F2001	900.40	-0.63%	5.34	-32.2%	164	1/16/2020	52
VN30F2003	904.00	-0.56%	8.94	375.0%	76	3/19/2020	115
VN30F2006	906.10	-0.84%	11.04	162.0%	186	6/18/2020	206

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm -2.44 điểm xuống mức 895.06 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HDB, VNM, EIB, MSN, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 chủ yếu vận động tích lũy quanh vùng giá 899-900 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm mạnh, giảm co quanh 897 điểm, trước khi tiếp tục giảm vào cuối phiên. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục vận động tích lũy quanh 895 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong dài hạn. Nhà đầu tư vẫn nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 910 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMWG1904	SSI	12/30/2019	33	1:1	21,770	-24.3%	1.0 triệu	21.17%	14,000	24,600	2.07%	23,585.90	1.04
CFPT1905	SSI	4/22/2020	147	1:1	20,940	-31.6%	1.0 triệu	20.44%	9,900	8,050	1.13%	4,642.30	1.73
CVJC1902	SSI	4/22/2020	147	1:1	16,700	-3.7%	1.0 triệu	14.38%	27,900	27,550	0.77%	16,716.40	1.65
CVIC1902	SSI	4/22/2020	147	1:1	10,410	-22.9%	1.0 triệu	17.30%	22,700	17,330	0.06%	6,511.50	2.66
CMWG1902	VND	12/11/2019	14	4:1	17,680	-0.9%	2.4 triệu	21.17%	2,990	5,750	0.00%	5,841.00	0.98
CFPT1903	SSI	12/30/2019	33	1:1	27,170	11.9%	2.0 triệu	20.44%	6,000	12,510	-0.56%	12,058.50	1.04
CHPG1907	SSI	4/22/2020	147	1:1	32,810	126.1%	1.0 triệu	25.40%	4,200	4,020	-0.99%	2,608.50	1.54
CVRE1902	HSC	4/8/2020	133	4:1	63,940	-14.3%	5.0 triệu	23.46%	1,300	1,420	-1.39%	758.20	1.87
CMWG1907	HSC	4/8/2020	133	10:1	214,670	24.6%	5.0 triệu	21.17%	1,900	1,060	-1.85%	237.60	4.46
CVHM1902	SSI	4/22/2020	147	1:1	20,290	-45.9%	1.0 triệu	23.18%	18,600	17,550	-3.15%	11,332.20	1.55
CMBB1902	HSC	12/17/2019	20	1:1	53,450	81.3%	1.0 triệu	16.03%	3,200	2,800	-3.45%	922.10	3.04
CMBB1905	HSC	4/8/2020	133	2:1	139,540	-58.5%	5.0 triệu	16.03%	1,700	1,360	-3.55%	434.80	3.13
CMBB1903	SSI	4/22/2020	147	1:1	26,700	-9.6%	3.0 triệu	16.03%	4,000	3,210	-3.89%	1,494.70	2.15
CHPG1908	MBS	1/22/2020	56	2:1	60,380	-74.3%	2.0 triệu	25.40%	1,450	1,600	-4.19%	1,204.60	1.33
CVNM1903	SSI	4/22/2020	147	1:1	14,630	31.7%	1.0 triệu	17.97%	26,600	19,870	-4.24%	7,915.70	2.51
CNVL1901	KIS	2/7/2020	72	4:1	78,280	105.2%	5.0 triệu	18.10%	1,900	1,240	-4.62%	88.50	14.01
CMWG1903	HSC	12/30/2019	33	5:1	56,620	28.0%	2.0 triệu	21.17%	2,700	3,800	-5.00%	3,712.00	1.02
CDPM1901	KIS	1/9/2020	43	1:1	243,150	-2.7%	1.5 triệu	27.21%	1,900	920	-5.15%	184.80	4.98
CMBB1906	VND	1/9/2020	43	2:1	106,290	97.6%	3.0 triệu	16.03%	2,100	1,570	-6.55%	1,357.80	1.16
CVNM1904	HSC	4/8/2020	133	10:1	120,830	197.0%	5.0 triệu	17.97%	1,900	1,170	-7.87%	220.40	5.31
CMWG1906	MBS	12/16/2019	19	5:1	147,050	60.6%	3.0 triệu	21.17%	2,850	450	-13.46%	50.20	8.96
CVNM1901	KIS	12/13/2020	382	10:1	585,890	-41.1%	5.0 triệu	17.97%	1,200	40	-33.33%	-	
Tổng:					2,079,190		53.90 triệu		19.96%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 27/11/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.
- Về giá, CVNM1901 và CMWG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -33.33% và -13.46%. Thanh khoản thị trường giảm -22.84%. CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.86% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. NVL vận động tích lũy ngắn hạn sau khi giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 57. Thanh khoản tăng đồng thuận với các nhịp giảm gần đây. Điều chỉnh giảm tiếp diễn của NVL, dựa theo tín hiệu giảm của các chỉ báo động lượng, có thể tạo áp lực giảm giá với với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VCB	86.30	1.89	0.66
VIC	115.60	0.35	0.25
BID	40.80	2.00	0.19
VJC	143.70	0.28	0.15
SBT	18.70	1.08	0.08

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	27.0	-2.88	-0.76
VNM	122.1	-0.73	-0.63
EIB	17.0	-1.45	-0.36
MSN	71.0	-0.70	-0.32
TCB	23.4	-0.43	-0.31

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1904	165,000	90,000	113,200
CFPT1905	64,900	55,000	57,000
CVJC1902	157,900	130,000	143,700
CVIC1902	137,700	115,000	115,600
CMWG1902	48,130	90,000	113,200
CFPT1903	51,140	45,140	57,000
CHPG1907	25,200	21,000	22,600
CVRE1902	37,700	32,500	33,950
CMWG1907	144,000	125,000	113,200
CVHM1902	103,600	85,000	93,000
CMBB1902	26,300	21,800	22,600
CMBB1905	26,400	23,000	22,600
CMBB1903	26,000	22,000	22,600
CHPG1908	23,400	20,500	22,600
CVNM1903	146,600	120,000	122,100
CNVL1901	69,688	62,088	56,500
CMWG1903	25,800	95,000	113,200
CDPM1901	15,888	13,988	13,050
CMBB1906	24,200	20,000	22,600
CVNM1904	152,000	133,000	122,100
CMWG1906	135,150	120,900	113,200
CVNM1901	46,340	156,285	122,100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.2	-0.3%	0.7	2,179	1.3	8,321	13.6	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.3	-1.2%	0.9	796	0.7	4,839	17.0	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	71.0	-0.6%	1.3	2,164	0.3	1,889	37.6	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.9	0.0%	0.7	321	0.1	2,801	11.4	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.6	0.3%	1.0	16,817	1.5	1,589	72.7	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	-0.4%	1.1	3,438	5.4	1,033	32.9	2.8	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.5	0.0%	0.8	2,286	0.7	3,187	17.7	2.6	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	36.3	-0.7%	1.0	489	1.0	5,614	6.5	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.6	2.8%	1.4	333	1.3	3,215	4.5	0.9	45.9%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.9	-0.8%	1.4	438	1.6	1,769	11.2	1.0	56.1%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.0	-0.3%	1.0	236	0.2	5,067	6.5	1.5	37.9%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.9	-0.4%	1.4	317	0.7	1,287	18.6	1.7	57.6%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.0	-0.2%	0.9	1,681	2.0	4,688	12.2	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	-2.2%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	102.0	0.0%	1.6	8,488	0.9	5,886	17.3	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	58.6	-1.0%	1.5	3,034	0.4	3,467	16.9	3.2	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.7	-0.6%	1.7	368	0.6	2,062	8.6	0.7	22.2%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.5	-1.0%	0.8	1,281	0.9	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	-0.5%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.1	2.0%	0.7	222	0.1	650	20.1	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.9	0.0%	0.6	158	0.0	625	11.0	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	86.3	1.9%	1.3	13,916	1.8	5,274	16.4	3.9	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.8	2.0%	1.6	7,135	1.9	2,109	19.3	2.5	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	21.1	-0.7%	1.6	3,408	1.5	1,641	12.8	1.1	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	20.4	-0.2%	1.2	2,135	0.7	3,341	6.1	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	22.6	-0.2%	1.1	2,285	1.6	3,261	6.9	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	23.2	-1.7%	1.1	1,671	1.0	3,585	6.5	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	52.2	-0.6%	0.8	186	0.1	5,073	10.3	1.7	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.8	0.0%	0.3	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.9	0.7%	1.3	641	0.0	732	20.4	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.6	-0.2%	1.0	2,713	3.5	2,526	8.9	1.4	37.6%	17.4%
HSG	Thép	7.8	2.4%	1.6	143	0.9	890	8.7	0.6	17.3%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	122.1	-0.7%	0.7	9,244	2.0	5,527	22.1	7.8	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	230.5	0.2%	0.8	6,427	0.5	7,365	31.3	8.3	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	71.0	-0.7%	1.2	3,608	0.7	4,512	15.7	2.5	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.7	1.1%	0.6	477	1.0	440	42.5	1.5	6.2%	3.5%
ACV	Vận tải	74.9	-0.8%	0.8	7,089	0.1	2,630	28.5	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	143.7	0.3%	1.1	3,273	2.0	9,850	14.6	5.5	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	34.3	1.2%	1.7	2,115	0.4	1,747	19.6	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	24.0	-0.8%	0.8	310	0.2	1,949	12.3	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	0.3%	0.6	210	0.2	2,571	6.7	1.2	32.1%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.5	-1.2%	0.9	581	0.3	8,338	10.0	4.2	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.5	0.0%	0.7	361	0.0	1,398	13.2	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	0.0%	0.8	239	0.1	1,912	7.5	1.0	6.3%	13.8%
CTD	Xây dựng	66.3	-0.6%	0.8	220	0.1	9,842	6.7	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.2	0.0%	1.1	522	0.3	1,557	17.5	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.3	-1.5%	0.4	251	0.3	1,845	12.6	1.1	51.2%	8.8%
POW	Điện	13.3	-1.1%	0.6	1,349	0.7	820	16.2	1.3	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.7	-0.7%	0.6	283	0.2	2,721	8.3	1.5	18.9%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	86.30	1.89	1.75	484360.00
BID	40.80	2.00	0.81	1.06MLN
VIC	115.60	0.35	0.39	304630.00
HVN	34.30	1.18	0.17	284510.00
SAB	230.50	0.22	0.09	53280.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	64.70	9.85	0.08	211800.00
PGS	29.80	4.20	0.04	27100.00
DGC	27.10	1.88	0.04	115300.00
AMV	22.50	5.14	0.04	375200.00
TVC	15.40	4.05	0.02	227200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	122.10	-0.73	-0.46	366920.00
VHM	93.00	-0.32	-0.30	2.14MLN
HDB	27.00	-2.88	-0.23	1.15MLN
PLX	58.60	-1.01	-0.23	147990.00
MSN	71.00	-0.70	-0.17	213600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	-1.69	-0.66	952300.00
SHB	6.30	-1.56	-0.11	1.64MLN
MBG	40.60	-9.98	-0.09	254400.00
VCS	83.50	-1.18	-0.03	92400.00
PVS	17.70	-0.56	-0.03	744800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACL	21.45	6.98	0.01	27090.00
CLL	26.05	6.98	0.02	30.00
YBM	4.60	6.98	0.00	22380.00
DCL	21.50	6.97	0.02	195520.00
LDG	8.93	6.95	0.04	1.89MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTJ	8.80	10.0	0.01	1100.00
L14	64.70	9.9	0.08	211800.00
NBP	11.20	9.8	0.00	500.00
HAD	27.30	9.6	0.01	98800.00
SGH	44.50	9.6	0.01	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
AGF	3.48	-6.95	0.00	6350.00
TTB	8.46	-6.93	-0.01	29220.00
TPC	9.50	-6.86	-0.01	10.00
PIT	3.84	-6.80	0.00	150.00
VNL	14.00	-6.67	0.00	220.00

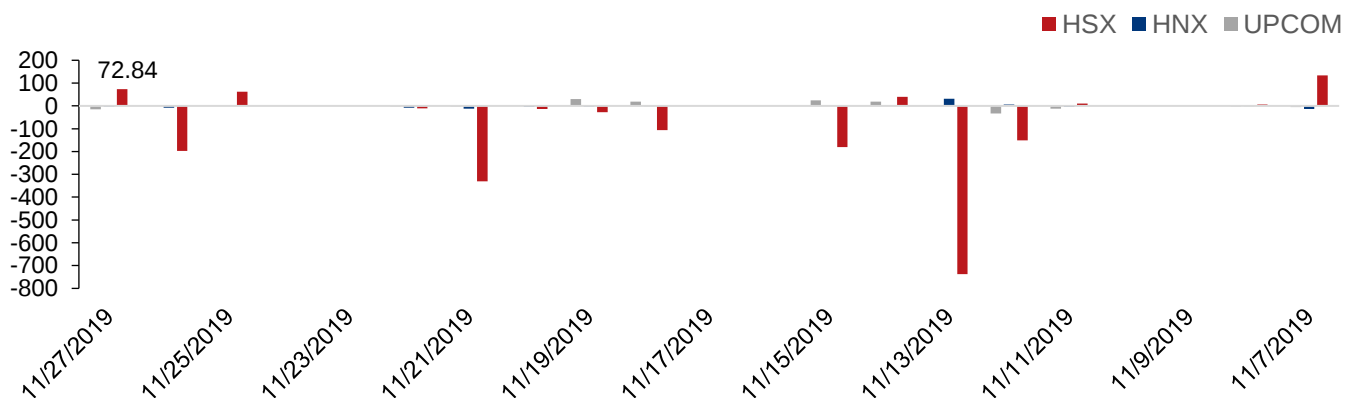
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.30	-25.00	-0.01	732100.00
MBG	40.60	-9.98	-0.09	254400.00
ALT	11.90	-9.85	0.00	500.00
TKC	4.80	-9.43	0.00	3200.00
VNT	48.00	-9.43	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	124.3	6,216	20.0	7.6	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	86.3	5,274	16.4	3.9	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	34.3	9,530	3.6	1.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	57.0	4,688	12.2	2.8	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	24.4	3,491	7.0	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	18.4	2,246	8.2	0.9	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.1	3,678	10.3	0.7	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	71.0	4,512	15.7	2.5	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	122.1	5,527	22.1	7.8	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.9	2,887	7.6	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.3	5,614	6.5	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	76.0	14,958	5.1	1.5	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.5	2,279	3.7	0.6	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	23.2	3,585	6.5	1.5	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.2	1,079	12.2	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	86.3	5,274	16.4	3.9	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.0	1,723	13.3	1.7	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	22.6	3,261	6.9	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	58.0	2,801	20.7	3.4	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	24.0	1,949	12.3	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì minh chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn